

Mẫu 1C

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
(Dùng cho tuyển tỉnh)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ Y TẾ (CHI CỤC)/BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
QLATTP TỈNH... -----

....., Ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM

☐ Báo cáo 6 tháng

☐ Báo cáo năm

Kính gửi:.....

I. Hành chính

1. Tên tỉnh:.....

- Dân số (người):.....

- Diện tích (Km²):.....

- Số xã/phường/thị trấn:.....

- Số huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.....

2. Thống kê nguồn lực quản lý ATTP tuyển tỉnh:

1 Tên đơn vị (Chi cục/Ban Quản lý ATTT tỉnh/TP):.....

2 Địa chỉ:

Số nhà: Đường phố:..... Phường:.....

Quận/huyện:..... Tỉnh/TP:.....

Điện thoại:

e-mail:.....

3 Lãnh đạo đơn vị

Chức danh	Họ và tên	Số điện thoại
Chi cục trưởng/Trưởng ban		
Phó Chi cục trưởng/Phó Trưởng ban		

(1).....		
(2).....		
(3).....		
Tổng (1)		

4 Số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo phòng/ban thuộc đơn vị

Tên phòng	ĐVT	Số lượng (người)
(1) Phòng	<i>Người</i>	
(2) Phòng		
(3) Phòng		
(4) Phòng		
(5) Phòng		
(6) Phòng		
(7) Khác (<i>ghi rõ</i>).....		
Tổng (2)		
Tổng cộng (1+2)		

5 Trình độ học vấn cán bộ, công chức, viên chức (ghi số người vào cột tương ứng)

(1) Sau đại học	
(2) Đại học	
(3) Cao đẳng trở xuống	
(4) Khác (ghi rõ)	

6 Trụ sở làm việc của đơn vị (đánh dấu vào ô tương ứng)

(1) Trụ sở công vụ	
--------------------	-------

(2) Nhà đi thuê/mượn	
(3) Nhà kiên cố (nhà cấp 3, 2 và 1)	
(4) Nhà tạm (nhà cấp 4)	
Tổng diện tích mặt bằng (m ²)	
Diện tích phòng làm việc (m ²)	

7 Phương tiện, thiết bị tin học của đơn vị

Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Được cấp	Loại ≥ 7 chỗ
(1) Ô tô công tác (<i>chiếc</i>)			
(2) Ô tô chuyên dụng (<i>chiếc</i>)			
(3) Máy tính (<i>chiếc</i>)			

3. Thông tin số cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung	Tuyến tỉnh		
		Số cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số cơ sở thuộc quản lý của UBND tỉnh	Số cơ sở có GCN đủ điều kiện/tổng số cơ sở phải cấp
1	Cơ sở sản xuất thực phẩm (<i>bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh</i>)			
2	Cơ sở kinh doanh thực phẩm			
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống			
4	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố			
	Tổng cộng			

II. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Quản lý, chỉ đạo:

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến tỉnh
----	--------------------	------------

		<i>Số lượng</i>	<i>Ghi chú</i>
1	BCĐLN ATTP phường/xã/quận/huyện/tỉnh/thành phố do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban		
2	Họp BCĐLN ATTP		
3	Hội nghị triển khai, tổng kết của BCĐ		

2. Hoạt động thông tin, truyền thông

TT	Tên hoạt động/hình thức	Tuyển tỉnh	
		<i>Số lượng</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nói chuyện/Hội thảo (<i>buổi/tổng số người dự</i>)		
2	Tập huấn (<i>lớp/tổng số người dự</i>)		
3	Phát thanh loa, đài (<i>tin/bài/phóng sự</i>)		
4	Truyền hình (<i>buổi/tọa đàm/phóng sự</i>)		
5	Báo viết (<i>tin/bài/phóng sự</i>)		
6	Băng rôn, khẩu hiệu		
7	Tranh áp - phích/Posters		
8	Tờ gấp/tờ rơi		
9	Tài liệu khác (<i>ghi rõ</i>):.....		

3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra:

TT	Nội dung	Tuyển tỉnh	
		<i>Số lượng</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra:		
2	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		

3	Tổng số sản phẩm được thanh tra, kiểm tra		
4	Tổng số cơ sở vi phạm		
4.1	Vi phạm về công bố sản phẩm		
	Số sản phẩm vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
4.2	Vi phạm về chất lượng sản phẩm		
	Số sản phẩm vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
4.3	Vi phạm về chỉ tiêu an toàn thực phẩm		
	Số sản phẩm vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
4.4.	Vi phạm về quảng cáo thực phẩm		
	Số sản phẩm vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
4.5	Vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm		
	Số cơ sở vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
4.6	Vi phạm khác		
	Số cơ sở vi phạm/%		
	Tổng số tiền xử phạt (đồng)		
5	Kết quả chi tiết:		
TT	Nội dung	Tuyến tỉnh	

		SX thực phẩm (gồm vừa SX và vừa KD)	KD thực phẩm	KD dịch vụ ăn uống	KD thức ăn đường phổ	Cộng
5.1	Tổng số cơ sở					
5.2	Cơ sở được thanh tra, kiểm tra					
	Đạt (<i>số cơ sở/%</i>)					
	Vi phạm (<i>số cơ sở/%</i>)					
5.3	Xử lý vi phạm					
5.3.1	Phạt tiền:					
	- Số cơ sở:					
	- Tiền phạt (<i>đồng</i>):					
5.3.2	Xử phạt bổ sung:					
	- Tước quyền sử dụng GCN					
	+ Tước GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
	+ Tước giấy tiếp nhận đăng ký công bố					
	+ Tước giấy xác nhận nội dung quảng cáo					
	- Đình chỉ hoạt động;					
	- Tịch thu tang vật...					
5.3.3	Khắc phục hậu quả (<i>loại, trọng lượng</i>):					
	- Buộc thu hồi					

	- Buộc tiêu hủy					
	- Khác (ghi rõ):.....					
5.4	Xử lý khác					
5.4.1	Thu hồi GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
5.4.2	Chuyển cơ quan điều tra					

4. Kiểm nghiệm thực phẩm

TT	Nội dung	Tuyến tính
1	Xét nghiệm tại labo (<i>tổng số mẫu</i>)	
1.1	Hóa lý (<i>tổng số mẫu</i>)	
	- Đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
	- Không đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
1.2	Vi sinh	
	- Đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
	- Không đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
2	Xét nghiệm nhanh	
2.1	Hóa lý (<i>tổng số mẫu</i>)	
	- Đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
	- Không đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
2.2	Vi sinh (<i>tổng số mẫu</i>)	
	- Đạt (<i>số mẫu/%</i>)	
	- Không đạt (<i>số mẫu/%</i>)	

5. Ngộ độc thực phẩm

TT	Nội dung	Kết quả		So sánh (số lượng/%)
		Năm nay	Năm trước	
1	Số vụ (vụ)			
2	Số mắc (người)			
3	Số tử vong (người)			
4	Số vụ NĐTP lớn (≥ 30 người/vụ)			
5	Nguyên nhân (vụ)			
	- Vi sinh			
	- Hóa học			
	- Độc tố tự nhiên			
	- Không xác định			
6	Tỷ lệ ca ngộ độc thực phẩm/100.000 dân			

6. Số liệu cấp, thu hồi giấy xác nhận nội dung quảng cáo

TT	Tên nhóm sản phẩm	Số lượng giấy XNQC đã cấp	Số lượng giấy XNQC bị thu hồi
1	Thực phẩm dinh dưỡng y học		
2	Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt		
3	Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		

7. Số liệu sản phẩm được cấp (thu hồi) giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm; sản phẩm tự công bố; sản phẩm tự công bố bị hủy do nội dung công bố không phù hợp

7.1. Số liệu sản phẩm được cấp (thu hồi) giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

(từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....)

[illegible]

7.2. Số liệu sản phẩm tự công bố và sản phẩm tự công bố bị hủy do nội dung công bố không phù hợp

(từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....)

[illegible]

	Tổng số sản phẩm							
--	-------------------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

8. Kinh phí triển khai hoạt động về an toàn thực phẩm:

TT	Nguồn kinh phí	Số lượng (triệu đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách từ Chương trình mục tiêu y tế - dân số		
2	Ngân sách từ địa phương		
3	Nguồn kinh phí khác (ghi rõ)		
Tổng cộng			

9. Các hoạt động khác (nếu có):

.....

.....

.....

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi:

.....

.....

.....

.....

2. Khó khăn:

.....

.....

.....

3. Đề xuất, Kiến nghị:

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- BCĐLN tỉnh/TP.;
- Cục ATTP;
- Lưu: VT

LÃNH ĐẠO
(Ký tên đóng dấu)